

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Niên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung

Bà Phạm Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ước - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1993

Nơi cư trú: tổ 14, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1991

Nơi cư trú: tổ 14, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày: Chị và anh S kết hôn ngày 07/09/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, nhưng từ năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã không tìm được tiếng nói chung, anh S không tu trí làm ăn, hay chơi bời cờ bạc, lô đề, dẫn đến nợ nần phải mang tài sản đi cầm ký lấy tiền trả nợ, tiêu xài, nay anh S đã bỏ nhà đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, vợ chồng đã

sống ly thân nhau từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin ly hôn anh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nguyễn Trọng Minh Q, sinh ngày 02/08/1916, hiện đang sống cùng chị, khi ly hôn chị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh S đến tòa để làm việc, nhưng anh S không có mặt, do vậy không ghi được lời khai của anh S, anh S biết việc chị H làm đơn xin ly hôn mình và thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn, nhưng anh không đến tòa giải quyết, nếu chị H có nhu cầu ly hôn thì tự mình đi giải quyết.

Nội dung xác minh tại tổ dân phố nơi cư trú của vợ chồng: Chị H và anh S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp, anh chị có một con chung, tổ dân phố nhiều lần nhận được giấy triệu tập của tòa nhờ tổng đạt cho anh S đến tòa để giải quyết việc ly hôn, nhưng do anh S không có mặt tại địa phương nên tổ dân phố không tổng đạt được giấy triệu tập cho anh S, quá trình chung sống vợ chồng anh S có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không tu chí làm ăn, hay lô đề, cờ bạc, nợ nần, cấm ký xe máy lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hiện nay chị H và anh S đã sống ly thân nhau từ lâu, quan điểm của địa phương đề nghị tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật,

Lời khai của bà Hà Thị N, mẹ đẻ anh S: Chị H và anh S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp, anh chị có một con chung, tổ dân phố đã nhiều lần đến tổng đạt giấy triệu tập cho anh S, nhưng do anh S hiện không có mặt tại địa phương, đã bỏ đi làm ăn xa không rõ địa chỉ nên không tổng đạt được, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không tu chí làm ăn, hay lô đề, cờ bạc, nợ nần, cấm ký xe máy nhiều lần. Hiện nay chị H và anh S đã sống ly thân nhau từ lâu, quan điểm của tôi không mong muốn các cháu ly hôn nhau, nhưng nếu chị H kiên quyết ly hôn thì đề nghị tòa giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và HĐXX tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nhưng trước đó đã được tòa án triệu tập hợp lệ, do đó đề nghị tòa giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật; Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã được thu thập đầy đủ, đề nghị Tòa căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 58, 81,82,83,84 của [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#). Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị H và xử cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Minh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có, không đề cập giải quyết

Về án phí: Chị Hà Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Trọng S, Nơi cư trú: tổ 14, phường Đ, thành phố H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt các bên đương sự.

2. Về nội dung: Chị H và anh S kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố H, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét quá trình chung sống của vợ chồng nhận thấy: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường và đã có một con chung, tuy nhiên từ năm 2019 thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã không có tiếng nói chung, anh S không tu trí làm ăn, hay chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần, phải mang tài sản đi cầm ký lấy tiền tiêu sài, nay anh S đã bỏ nhà đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai, thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn ly hôn, anh S biết chị H xin ly hôn và cũng đồng ý ly hôn, nhưng không đến tòa giải quyết.

Xác minh tại địa phương nơi cư trú của vợ chồng xác định chị H và anh S là vợ chồng, quá trình chung sống có mâu thuẫn xảy ra, hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và lợi ích các bên bị xâm phạm do đó cần chấp nhận khởi kiện của chị H và xử cho chị ly hôn anh S là có căn cứ.

Về con chung: Khi ly hôn chị H xin được nuôi con, nguyện vọng của cháu Q cũng xin được ở với mẹ, xét các điều kiện về mọi mặt, cần giao cho chị H nuôi con là có căn cứ. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Không có, nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Từ các nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, 58, 81,82,83,84 của [Luật hôn nhân và gia đình năm 2014](#).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị H, xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng Minh Q, sinh ngày 02/08/2016 cho chị Hà Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Trọng S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung và quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của [Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015](#); [Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hà Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004905 ngày 15/05/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, nay không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPH;
- TAND tỉnh HB;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

- Chi cục THADS TPH;
- Sở Tư Pháp tỉnh HB;
- UBND phường Đ. TPH;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thành Niên